|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC  TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc |

**CÔNG KHAI THÔNG TIN LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP**

**ĐỢT 1 NĂM 2023**

| **TT** | **Trình độ**  **đào tạo** | **Tên đề tài** | **Họ tên người thực hiện** | **Họ tên giáo viên hướng dẫn** | **Tóm tắt nội dung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **Thạc sĩ** |  |  |  |  |
| **KHỐI NGÀNH** | | | | | | |
| **Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường** | | | | | | |
| **Khóa CH6B** | | | | | | |
| 1 | Thạc sĩ | Nghiên cứu mối quan hệ giữa hàm lượng NO2 trong không khí với đa dạng địa y tại tỉnh Quảng Ninh | Trần Đình An | PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc | Luận văn đã nghiên cứu, phân tích đánh giá được đa dạng địa y và mối quan hệ giữa đa dạng địa y với hàm lượng NO­­2 trong không khí tại tỉnh Quảng Ninh; xác định được 25 loài địa y thuộc 5 lớp. Xác định đượcchỉ số chất lượng không khí của thông số NO2 (AQI\_NO2) tại 4 sinh cảnh đều năm ở mức tốt (<50). Từ đó, đánh giá được mối quan hệ giữa hàm lượng NO2 trong không khí chỉ có mối tương quan thuận đối với chỉ số d và tương quan nghịch với 3 chỉ số: J’; H’; V%. Mối tương quan giữa chỉ số H’ và hàm lượng NO2 ở các sinh cảnh này có ý nghĩa thống kê (giá trị P-value đều nhỏ hơn 0,05). Mối tương quan giữa các chỉ số (v%, d, J’) của địa y và hàm lượng NO2 ở các sinh cảnh này không có ý nghĩa thống kê (P-value > 0,05) |
| **Khóa CH7A** | | | | | | |
| 2 | Thạc sĩ | Nghiên cứu tiềm năng phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn cho một số doanh nghiệp thuộc ngành nhựa trên địa bàn thành phố Hà Nội | Trương Thế Anh | 1. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh  2. PGS.TS. Nguyễn Hồng Quân | Luận văn đã đánh giá được hiện trạng phát sinh chất thải của hai doanh nghiệp (Doanh nghiệp sản xuất từ nguyên liệu tinh và Doanh nghiệp tái chế) thuộc ngành nhựa trên địa bàn thành phố Hà Nội; đánh giá được hiện trạng công nghệ, loại và lượng chất thải phát sinh và hiện trạng công tác bảo vệ môi trường của hai đại diện đó. Từ đó, đưa ra các đánh giá về hiện trạng áp dụng và đề xuất giải pháp cho doanh nghiệp hướng đến áp dụng thành công mô hình hình kinh tế tuần hoàn. |
| 3 | Thạc sĩ | Đánh giá suy thoái và phục hồi rừng ngập mặn ven biển thành phố Hải Phòng giai đoạn 2015-2022 bằng Google Earth Engine và ảnh vệ tinh Sentinel đa thời gian | Phạm Quang Hiệp | 1. TS. Phạm Hồng Tính  2. PGS.TS. Lê Xuân Tuấn | Luận văn đã đánh giá được mức độ suy thoái và khả năng phục hồi rừng ngập mặn ven biển thành phố Hải Phòng giai đoạn 2015-2022 bằng công cụ Google Earth Engine và ảnh vệ tinh Sentinel đa thời gian. Kết quả xác định được hiện trạng diện tích rừng ngập mặn ven biển thành phố Hải Phòng giai đoạn 2015-2022; mức độ suy thoái và khả năng phục hồi rừng ngập mặn ven biển thành phố Hải Phòng giai đoạn 2015-2022; Từ đó, đề xuất được một số giải pháp phục hồi rừng ngập mặn ven biển thành phố Hải Phòng. |
| 4 | Thạc sĩ | Nghiên cứu phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp tại xã Trịnh Xá, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam | Mai Đình Khải | 1. PGS.TS. Phạm Thị Mai Thảo  2. TS. Vũ Văn Doanh | Luận văn đã đánh giá được hiện trạng sản xuất, chất thải phát sinh và công tác quản lý môi trường các cơ sở chăn nuôi lợn; đánh giá được hiện trạng sản xuất, chất thải phát sinh và công tác quản lý môi trường trong hoạt động trồng lúa; đánh giá được hiện trạng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong hoạt động chăn nuôi lợn và trồng lúa tại xã Trịnh Xá. Từ đó, đề xuất giải pháp phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn cho hoạt động chăn nuôi lợn và trồng lúa tại xã Trịnh Xá, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. |
| 5 | Thạc sĩ | Nghiên cứu và đề xuất giải pháp giải quyết xung đột môi trường xã hội cho các dự án đầu tư trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội | Nguyễn Bá Anh Minh | 1. TS. Vũ Văn Doanh  2. PGS.TS. Phạm Thị Mai Thảo | Luận văn đã nhận dạng được các dạng xung đột môi trường xã hội cho các dự án; xác định được mối quan hệ giữa các chủ thể xung đột (như chính quyền địa phương, doanh nghiệp, cư dân) với đối tượng xung đột và nguyên nhân xung đột; đánh giá tác động qua lại của xung đột môi trường xã hội đối với các dự án đầu tư trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Từ đó, đề xuất được một số giải pháp giải quyết xung đột môi trường xã hội cho các dự án đầu tư trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội |
| 6 | Thạc sĩ | Nghiên cứu tiềm năng phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn cho một số doanh nghiệp thuộc ngành may mặc trên địa bàn thành phố Hà Nội | Nguyễn Nam Nghĩa | 1. PGS.TS. Lê Thị Trinh  2. PGS.TS. Nguyễn Hồng Quân | Luận văn đã đánh giá được hiện trạng công nghệ, loại và lượng chất thải phát sinh của một số doanh nghiệp ngành may mặc trên địa bàn thành phố Hà Nội; đánh giá được hiện trạng công tác bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp. Từ đó, đưa ra các đánh giá về hiện trạng áp dụng và đề xuất giải pháp cho doanh nghiệp hướng đến áp dụng thành công mô hình hình kinh tế tuần hoàn. |
| 7 | Thạc sĩ | Nghiên cứu xác định sự phân bố rác thải nhựa tại hệ sinh thái vùng triều, khu bảo tồn biển Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa | Vũ Trí Trọng | TS. Vũ Thị Mai | Luận văn đã đánh giá được hiện trạng phân bố rác thải nhựa tại khu bảo tồn biển Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; đánh giá được hiện trạng công tác quản lý rác thải tại khu bảo tồn biển Nha Trang. Từ đó, đề xuất được các giải pháp nhằm hỗ trợ công tác quản lý cũng như biện pháp hỗ trợ giảm thiếu phát sinh rác thải nhựa ra ngoài môi trường. |
| **Ngành Khoa học môi trường** | | | | | | |
| **Khóa CH5A** | | | | | | |
| 8 | Thạc sĩ | Nghiên cứu xử lý đất nhiễm một số hợp chất PCB bằng vật liệu nano sắt hóa trị 0 | Nguyễn Thành Công | 1. TS. Vũ Ngọc Toán  2. PGS.TS. Lê Thị Trinh | Luận văn đã xây dựng được quy trình tổng hợp và đánh giá đặc trưng, tính chất của vật liệu nano sắt hóa trị 0 quy mô phòng thí nghiệm; nghiên cứu đã đánh giá thử nghiệm khả năng xử lý đất nhiễm một số hợp chất PCBs bằng vật liệu nano sắt hóa trị 0 quy mô 0,5-1,0kg/mẻ. Từ đó, đề xuất được giải pháp công nghệ xử lý đất nhiễm một số hợp chất PCBs bằng vật liệu nano sắt hóa trị 0 trong thực tế. |
| **Khóa CH6B** | | | | | | |
| 9 | Thạc sĩ | Kiểm toán chất thải và đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường tại bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình | Vũ Ngọc An | PGS.TS. Phạm Thị Mai Thảo | Luận văn đã thực hiện kiểm toán chất thải y tế (nước thải và chất thải rắn); Đánh giá được sự tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường (04 thủ tục hành chính: báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép xả thải vào nguồn tiếp nhận, báo cáo giám sát môi trường định kỳ, thủ tục liên quan đến chất thải nguy hại) tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình. Từ đó đề xuất được các giải pháp quản lý chất thải và các biện pháp nâng cao hiệu quả của việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình. |
| 10 | Thạc sĩ | Nghiên cứu đánh giá khả năng xử lý nước thải tại các làng nghề sản xuất bún bằng công nghệ đất ngập nước nhân tạo | Nguyễn Tuấn Dũng | PSG. TS Hoàng Anh Huy | Luận văn đã khảo sát được hiện trạng môi trường nước tại các làng nghề sản xuất bún; lựa chọn được thực vật thủy sinh phù hợp cho hệ đất ngập nước nhân tạo; sử dụng công nghệ đất ngập nước nhân tạo để xử lý nước thải làng nghề sản xuất bún. Từ đó, đánh giá được khả năng xử lý nước thải làng nghề sản xuất bún bằng công nghệ đất ngập nước nhân tạo |
| 11 | Thạc sĩ | Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất thải bệnh viện đa khoa Anh Quất, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang | Nguyễn Trung Đức | 1. TS. Nguyễn Thu Huyền  2. TS. Lê Thu Thuỷ | Luận văn đã đánh giá được hiện trạng chất thải y tế; đánh giá được hoạt động quản lý chất thải ở bệnh viện Đa khoa Anh Quất và những vấn đề còn tồn tại trong công tác quản lý, xử lý. Từ đó, đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất thải tại bệnh viện Đa khoa Anh Quất. |
| **Khóa CH7A** | | | | | | |
| 12 | Thạc sĩ | Nghiên cứu tổng hợp và đánh giá khả năng kháng khuẩn của vật liệu nanocomposite ZnO/Pluronic | Giáp Ngọc Lập | 1. TS. Lê Thu Thủy  2. TS. Nguyễn Thị Hương | Luận văn đã nghiên cứu tổng hợp được nano ZnO sử dụng dịch chiết từ lá trà xanh có kích thước hạt trung bình từ 30 ÷ 100 nm, tổng hợp được hệ vật liệu nanocomposite ZnO/Pluronic sử dụng phương pháp siêu âm, đánh giá được khả năng kháng khuẩn của hệ vật liệu nanocomposite ZnO/Pluronic đối với 02 chủng vi khuẩn *Bacillus subtilis* và vi khuẩn *E.Coli*, đồng thời xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của vật liệu đối với 02 chủng này. |
| 13 | Thạc sĩ | Nghiên cứu xây dựng các tiêu chí đánh giá tác động của các dự án đầu tư phát triển tới hệ sinh thái rừng tự nhiên, áp dụng điển hình tại Vườn Quốc gia Tam Đảo | Phan Thị Thơ | 1. TS. Phạm Hồng Tính  2. TS. Mai Thanh Dung | Luận văn đã đề xuất được 03 nhóm tiêu chí với 23 chỉ số đánh giá mức độ tác động của các dự án đầu tư phát triển đến môi trường và hệ sinh thái rừng tự nhiên, phục vụ công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trên cơ sở các tiêu chí đề xuất, luận văn đã áp dụng điển hình đối với các dự án đầu tư phát triển tại Vườn quốc gia Tam Đảo. |
| 14 | Thạc sĩ | Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống lọc độc và cung cấp không khí sạch cho phòng thí nghiệm di động | Trần Kim Phượng | 1. TS. Mai Văn Tiến  2. TS. Đào Duy Hưng | Luận văn đã thu được những kết quả như sau:  - Thiết kế, chế tạo được hệ thống xử lý khí độc có hiệu quả xử lý đối với các chất độc hại NH3, H2S, C6H5CH3 đều đạt trên 98%, đặc biệt đối với chỉ tiêu C6H6 và HCN là 100%. Đảm bảo khí thải đầu ra theo QCVN hiện hành.  - Thiết kế, chế tạo được hệ thống cung cấp không khí sạch cho phòng thí nghiệm di động đảm bảo phòng thí nghiệm phòng sạch Class 10.000. Đảm bảo các chỉ tiêu không khí trong khu vực làm việc đều nằm trong phạm vi cho phép. Với hiệu quả xử lý đối với các chất độc hại NO2, Cl2, NH3, H2S, CO, C6H6 đều đạt trên 99%, đặc biệt đối với HCN là 100%.  - Khảo sát, đánh giá 3 loại than hoạt tính tẩm phụ gia X61, K-5U, TQ với khả năng bảo vệ trung bình đối với Benzen lần lượt là 247,3 phút; 271,8 phút và 90,6 phút. Khả năng bảo vệ trung bình đối với HCN lần lượt là 263,7 phút; 245 phút và 55,7 phút.  - Thử nghiệm, vận hành hệ thống xử lý khí độc và hệ thống cung cấp không khí sạch trong phòng thí nghiệm di động trong ca làm việc 8 giờ/ ngày. |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |